TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 494/2023/KDTM-ST
Ngày: 14/7/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Mỹ
2. Ông Huỳnh Văn Phát

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thức - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 1000/2022/TLST-KDTM ngày 16 tháng 12 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2023/QĐST-DS ngày 26/6/2023 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2023/QĐXXST-KDTM ngày 27/6/2023 giữa:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần T1 (T1).
Trụ sở: H L, phường L, quận Đ, TP ..
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:
Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1994 Chức vụ: chuyên viên xử lý nợ
Là người đại diện theo ủy quyền – Văn bản ủy quyền đề ngày 05/5/2023 của Ngân hàng TMCP T1). "có mặt"

2. *Bị đơn*: Công ty TNHH T2
Trụ sở: 30 Đ, Phường A, quận P, Tp ..
Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Hồ Thanh T, sinh năm 1976
Địa chỉ: C Trệt L, Lô B Bis N, quận P, Tp . – Là người đại diện theo pháp luật của Công ty. "vắng mặt".

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: ông Hồ Thanh T, sinh năm 1976.
Địa chỉ: C Trệt L, Lô B Bis N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. "vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 23/11/2022, đơn sửa đổi, bổ sung đơn kiện đề ngày 09/5/2023 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T1 và các lời khai tiếp sau đó, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Minh H trình bày:

Từ năm 2021, Công ty TNHH T2 có kí kết hợp đồng tín dụng vay vốn tại T1 - Chi nhánh G theo các hợp đồng sau:

1. Hợp đồng cho vay hạn mức số GVP/21007 ngày 08/01/2021, số tiền vay là 911.000.000 đồng. Thời hạn vay 60 tháng, tính từ ngày 11/1/2021 đến ngày 11/1/2026; mục đích vay: thanh toán tiền mua xe ô tô KIA SEDONA 2.2 DAT LUXURY giữa

Công ty cổ phần D và Công ty TNHH MTV T2. Giải ngân theo khế ước nhận nợ lần 01/số: GVP/21007-01 ngày 11/01/2021 số tiền 911.000.000 đồng. Lãi suất cho vay 8,9%/năm và có điều chỉnh lãi theo thoả thuận của các bên. Ngày 13/10/2021 hai bên ký kết Phụ lục Hợp đồng số 01 ngày 13/10/2021 để thoả thuận về việc cơ cấu thời hạn trả nợ, theo đó: thời hạn vay là 60 tháng, từ ngày 11/1/2021 đến ngày 11/1/2026.

Để đảm bảo cho khoản vay, Công ty TNHH MTV T2 có ký hợp đồng thế chấp 01 xe ô tô, nhãn hiệu KIA, số loại, SEDONA; màu sơn trắng SWP, số khung RNYYL52A8LC205813; số máy D4HBLD002588, biển số 51H495.58 theo hợp đồng thế chấp số GVP/21008 ngày 08/01/2021, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 08/01/2021. Theo hợp đồng thế chấp, hiện nay bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe do Ngân hàng quản lý. (Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50002866 do Phòng C – Công an Thành phố cấp ngày 07/01/2021).

2. Hợp đồng cho vay EGV/21165 ngày 14/04/2021 được giải ngân với khế ước nhận nợ lần: 01/số: EGV/21165-01 ngày 14/04/2021. Số tiền vay: 1.000.000.000 đồng. Thời hạn vay: 6 tháng, từ ngày 14/4/2021 đến ngày 12/10/2021. Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh lưu động. Lãi suất và các kỳ trả nợ: Lãi suất cho vay 18 %/năm. Lãi suất cố định trong 1 tháng đầu và sau đó được điều chỉnh 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh đầu tiên vào ngày 14/5/2021. Mức điều chỉnh: Lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh + 11.6%/năm. Trả nợ gốc: Trả một lần vào ngày 12/10/2021. Các kỳ trả nợ lãi: Trả 1 lần/tháng vào ngày 15, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 15/5/2021.

3. Hợp đồng cho vay hạn mức EGV/21411 ngày 02/07/2021 được giải ngân theo Khế ước nhận nợ lần: 01/số EGV/21411-01 ngày 02/7/2021 số tiền là 1.100.004.444 đồng, thời hạn vay là 06 tháng tính từ ngày 02/7/2021, ngày đến hạn 02/01/2022; Khế ước nhận nợ lần: 02/Số: EGV/21411-02 ngày 7/7/2021 số tiền là 399.995.556 đồng, thời hạn vay là 06 tháng tính từ ngày 07/7/2021, ngày đến hạn là ngày 07/01/2022. Lãi suất cho vay 17%/năm, được điều chỉnh theo thoả thuận của các bên. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động kinh doanh.

Biện pháp bảo đảm tiền vay: Bảo lãnh của ông Hồ Thanh T, CCCD: 066076000079; các tài sản khác theo thoả thuận giữa hai bên. Bảo lãnh bằng tín chấp "toàn bộ nghĩa vụ", Bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Hồ Thanh T theo Hợp đồng bảo lãnh số EGV/21166 ngày 14/04/2021.

Như vậy, tổng số tiền vay đã giải ngân cho Công ty TNHH T2 là 3.411.000.000 (Ba tỷ bốn trăm mười một triệu đồng). Mục đích vay là để mua xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh và bổ sung vốn lưu động của Công ty TNHH T2.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty T2 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. T1 đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty T2 để yêu cầu hoàn trả nợ vay. Tuy nhiên đến nay Công ty TNHH T2 vẫn tiếp tục không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ và cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng nên các khoản vay lần lượt đã bị chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 13/12/2021 đối với Hợp đồng cho vay EGV/21165 ngày 14/04/2021; ngày 15/12/2021 đối với Hợp đồng cho vay số GVP/21007 ngày 08/01/2021 và ngày 18/12/2021 đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số EGV/21411 ngày 02/07/2021. Đối với hợp đồng cho vay số GVP/21007 mặc thời hạn vay đến ngày 11/1/2026 tuy nhiên do vi phạm nghĩa vụ nên Ngân hàng chấm dứt cho vay chuyển nợ quá hạn và thu nợ trước hạn đối với khế ước và hợp đồng này từ ngày 15/12/2023. Tính đến ngày 14/07/2023, Công ty T2 đã thanh toán cho T1 tổng số tiền 294.760.877 đồng (trong đó nợ gốc là: 123.108.697 đồng; nợ lãi quá hạn là: 170.807.117 đồng; nợ lãi chậm trả: 845.063 đồng); Số tiền dư nợ theo

các hợp đồng tín dụng nêu trên tạm tính đến ngày 14/7/2023 Công ty TNHH T2 còn nợ T1 số tiền là 4.787.571.761 đồng (Bốn tỷ, bảy trăm tám mươi bảy triệu, năm trăm bảy mươi mốt nghìn, bảy trăm sáu mươi mốt đồng); (trong đó nợ gốc là: 3.287.891.303 đồng; lãi quá hạn là: 1.375.511.818 đồng; lãi chậm trả là: 124.168.640 đồng).

Do đó, Ngân hàng TMCP T1 vẫn giữ yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc Công ty TNHH T2 phải trả ngay một lần cho T1 tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 14/7/2023 số tiền là 4.787.571.761 đồng (Bốn tỷ, bảy trăm tám mươi bảy triệu, năm trăm bảy mươi mốt nghìn, bảy trăm sáu mươi mốt đồng); (trong đó nợ gốc là: 3.287.891.303 đồng; lãi quá hạn là: 1.375.511.818 đồng; lãi chậm trả là: 124.168.640 đồng).

Ngoài ra, kể từ ngày 15/7/2023 Công ty TNHH T2 vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn, lãi phạt chậm trả, bổ sung theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ cho T1.

2. Trường hợp Công ty TNHH T2 không thanh toán theo yêu cầu nêu trên của T1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho T1, chi tiết tài sản thế chấp là Xe ô tô KIA SEDONA biển số 51H-495.58 theo giấy chứng nhận đăng ký số 50 002866 do Phòng C Công an Thành phố H cấp ngày 07/01/2021 cho Công ty TNHH T2 theo hợp đồng thế chấp số GVP/21008 ngày 08/01/2021, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 08/01/2021.

3. Trường hợp sau khi xử ký tài sản thế chấp nêu trên không đủ để thanh toán nợ cho T1 thì ông Hồ Thanh T phải tiếp tục thanh toán cho T1 theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký số EGV/21166 ký ngày 14/4/2021.

** Bị đơn:* Tại bản tự khai đề ngày 10/3/2023, ông Hồ Thanh T – đại diện bị đơn, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Đầu năm 2021 Công ty TNHH T2 có vay tín chấp tại ngân hàng T1 với số tiền gốc: 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng) và vay trả góp xe ô tô Sedona với dư nợ hiện tại là 580.000.000 đồng (Năm trăm tám mươi triệu đồng).

Do thời gian qua vì tình hình dịch bệnh nên công ty gặp rất nhiều khó khăn nên có sự chậm việc thanh toán cho ngân hàng, công ty đang cố gắng khắc phục tình hình này. Tôi Hồ Thanh T – Đại diện Công ty sẽ thanh toán cho ngân hàng bắt đầu từ tháng 07/2023 đến tháng 10/2023 chia làm 4 đợt thanh toán và tất toán hết khoản vay. Đồng thời đề nghị ngân hàng T1 miễn lãi suất, phí cho Công ty.

Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng ông Hồ Thanh T là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T2 đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vẫn vắng mặt không rõ lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tuân theo pháp luật:

+ Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

+ Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo triệu tập của Tòa án.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy các Hợp đồng cho vay hạn mức số GVP/21007 ngày 08/01/2021; Hợp đồng cho vay EGV/21165 ngày 14/04/2021; Hợp đồng cho vay hạn mức EGV/21411 ngày 02/07/2021; hợp đồng thế chấp số GVP/21008 ngày 08/01/2021, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 08/01/2021; Hợp đồng bảo lãnh số EGV/21166 ngày 14/04/2021 và các khế ước nhận nợ, phụ lục hợp đồng được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận và tuân thủ pháp luật về công chứng, chứng thực nên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên. Quá trình vay bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ, nên yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 335, 336, 339, 340, 342 Bộ luật dân sự năm 2015các Điều 90, 91, 94, 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là Công ty TNHH T2 có đại diện theo pháp luật là ông Hồ Thanh T, đồng thời ông T còn tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nhiều lần và trụ sở nơi làm việc đã không còn hoạt động. Cụ thể Tòa án đã tống đạt các văn bản sau: thông báo thụ lý số 1000/TB-TLVA ngày 16/12/2022, các giấy triệu tập, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các giấy triệu tập tham dự phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa, Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vẫn tiến hành xét xử.

[2] Quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần T1 (T1) khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH T2 trả nợ còn thiếu theo các hợp đồng tín dụng Công ty TNHH T2. Trường hợp Công ty TNHH T2 không thanh toán theo yêu cầu nêu trên của T1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho T1, chi tiết tài sản thế chấp là Xe ô tô KIA SEDONA biển số 51H-495.58 theo giấy chứng nhận đăng ký số 50 002866 do Phòng C Công an Thành phố H cấp ngày 07/01/2021 cho Công ty TNHH T2 theo hợp đồng thế chấp số GVP/21008 ngày 08/01/2021, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 08/01/2021. Đồng thời, nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp nêu trên không đủ để thanh toán nợ cho T1 thì ông Hồ Thanh T phải tiếp tục thanh toán cho T1 theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký số EGV/21166 ký ngày 14/4/2021. Do đó, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng và bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ theo quy định khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 335 Bộ luật dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hợp đồng tín dụng: Xét thấy các Hợp đồng cho vay hạn mức số GVP/21007 ngày 08/01/2021; Hợp đồng cho vay EGV/21165 ngày 14/04/2021; Hợp đồng cho vay hạn mức EGV/21411 ngày 02/07/2021; và các khế ước nhận nợ, phụ lục hợp đồng được xác lập trên cơ sở tự nguyện và tự thỏa thuận của các bên. Về nội dung

và hình thức hợp đồng đều tuân thủ đúng quy định pháp luật và phù hợp theo quy định Điều 13, 18, 23, 27 và Điều 28 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN30/12/2016 Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; lãi suất áp dụng phù hợp theo quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng 2010. Vì vậy, sau khi hợp đồng ký kết đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[3.2] Về biện pháp giao dịch bảo đảm: Hợp đồng thế chấp số GVP/21008 ngày 08/01/2021, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 08/01/2021; Hợp đồng bảo lãnh số EGV/21166 ngày 14/04/2021 được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Về nội dung và hình thức hợp đồng đều tuân thủ đúng quy định pháp luật và phù hợp theo quy định tại Điều 335, 336 của Bộ luật Dân sự năm 2015, do đó cũng phát sinh quyền và nghĩa vụ bảo lãnh của ông Hồ Thanh T đối với hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Công ty với Ngân hàng.

Theo bảng kê tính lãi do đại diện Ngân hàng xuất trình tại phiên tòa, tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 14/7/2023, Công ty TNHH T2 còn nợ T1 theo Hợp đồng cho vay hạn mức số GVP/21007 ngày 08/01/2021; Hợp đồng cho vay EGV/21165 ngày 14/04/2021; Hợp đồng cho vay hạn mức EGV/21411 ngày 02/07/2021; và các khế ước nhận nợ, phụ lục hợp đồng đã ký kết với số tiền là 4.787.571.761 đồng (Bốn tỷ, bảy trăm tám mươi bảy triệu, năm trăm bảy mươi mốt nghìn, bảy trăm sáu mươi mốt đồng); (trong đó nợ gốc là: 3.287.891.303 đồng; lãi quá hạn là: 1.375.511.818 đồng; lãi chậm trả là: 124.168.640 đồng). Việc tính lãi của Ngân hàng phù với Hợp đồng cho vay hạn mức số GVP/21007 ngày 08/01/2021; Hợp đồng cho vay EGV/21165 ngày 14/04/2021; Hợp đồng cho vay hạn mức EGV/21411 ngày 02/07/2021; và các khế ước nhận nợ. Do Công ty TNHH T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu trả vốn và lãi là có căn cứ và phù hợp theo quy định các Điều 90, 91, 94, 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng.

Do đó, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

Vì vậy, căn cứ các Điều 90, 91, 94, 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T1 (T1): Buộc Công ty TNHH T2 phải trả ngay một lần cho T1 tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 14/7/2023 số tiền là 4.787.571.761 đồng (Bốn tỷ, bảy trăm tám mươi bảy triệu, năm trăm bảy mươi mốt nghìn, bảy trăm sáu mươi mốt đồng); (trong đó nợ gốc là: 3.287.891.303 đồng; lãi quá hạn là: 1.375.511.818 đồng; lãi chậm trả là: 124.168.640 đồng). Ngoài ra, kể từ ngày 15/7/2023 Công ty TNHH T2 vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn, lãi phạt chậm trả, bổ sung theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ cho T1; Trường hợp Công ty TNHH T2 không thanh toán theo yêu cầu nêu trên, T1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho T1, chi tiết tài sản thế chấp là Xe ô tô KIA SEDONA biển số 51H-495.58 theo Giấy chứng nhận đăng ký số 50 002866 do Phòng C Công an Thành phố H cấp ngày 07/01/2021 cho Công ty TNHH T2 theo hợp đồng thế chấp số GVP/21008 ngày 08/01/2021, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 08/01/2021; Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp nêu trên không đủ để thanh toán nợ cho T1 thì ông Hồ Thanh T phải tiếp tục thanh toán cho T1 theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký số EGV/21166 ký ngày 14/4/2021.

[4] Về án phí KDTMST: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định, cụ thể: Công ty TNHH T2 phải nộp án phí KDTMST trên số tiền

có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T1 (T1) số tiền án phí là 112.787.571 đồng (Một trăm mười hai triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm bảy mươi mốt) đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền là 56.089.000 đồng (Năm mươi sáu triệu, không trăm tám mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2021/0028963 ngày 07/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Tp ..

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm e khoản 1 Điều 192; Điều 203, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 335, 336, 339, 340, 342 Bộ luật dân sự năm 2015

- Căn cứ vào các Điều 90, 91, 94, 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần T1.

Buộc Công ty TNHH T2 phải trả ngay một lần cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T1 tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 14/7/2023 số tiền là 4.787.571.761 đồng (Bốn tỷ, bảy trăm tám mươi bảy triệu, năm trăm bảy mươi mốt nghìn, bảy trăm sáu mươi mốt đồng), trong đó nợ gốc là: 3.287.891.303 đồng; lãi quá hạn là: 1.375.511.818 đồng; lãi chậm trả là: 124.168.640 đồng theo Hợp đồng cho vay hạn mức số GVP/21007 ngày 08/01/2021; Hợp đồng cho vay EGV/21165 ngày 14/04/2021; Hợp đồng cho vay hạn mức EGV/21411 ngày 02/07/2021 và các khế ước nhận nợ, phụ lục hợp đồng đã ký kết.

Kể từ ngày 15/7/2023 trở đi cho đến khi trả dứt nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T1, Công ty TNHH T2 còn phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận đã ký kết nêu trên cho đến khi trả dứt nợ cho Ngân hàng TMCP T1.

Trường hợp Công ty TNHH T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì T1 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho T1, chi tiết tài sản thế chấp là Xe ô tô KIA SEDONA biển số 51H-495.58 theo giấy chứng nhận đăng ký số 50 002866 do Phòng C Công an Thành phố H cấp ngày 07/01/2021 cho Công ty TNHH T2 theo hợp đồng thế chấp số GVP/21008 ngày 08/01/2021, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 08/01/2021.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp nêu trên không đủ để thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T1 thì ông Hồ Thanh T phải tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán dứt nợ cho T1 thay cho Công ty TNHH T2 theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký số EGV/21166 ký ngày 14/4/2021.

2. Về án phí: Án phí KDTMST số tiền là 112.787.571 đồng (Một trăm mười hai triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm bảy mươi mốt) đồng.

Công ty TNHH T2 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 112.787.571 đồng (Một trăm mười hai triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm bảy mươi mốt) đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP T1 toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền là 56.089.000 đồng (Năm mươi sáu triệu, không trăm tám mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2021/0028963 ngày 07/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Tp ..

3. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND. Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thảo